

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-PT

Ngày 03-8-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số nhà XX, đường K, khóm X, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Phan Hùng M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà XX, tổ X, ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn; bị đơn có mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Phan Hùng M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2021; biên bản hòa giải ngày 20/01/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh M quen biết từ nhỏ trước khi tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 22/01/2018. Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc.

Đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung, cả hai đã cho nhau cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Gia H, sinh ngày 06/5/2019, hiện đang sống chung với chị L.

Sau khi kết hôn mỗi người sống một nơi, chị L là tiểu thương buôn bán tạp hóa ổn định tại chợ T nên sống chung với cha mẹ tại thị trấn Si, huyện T; còn anh M công tác tại Công an huyện C, sống với cha mẹ ruột ở huyện C. Từ năm 2018 đến đầu năm 2020 trung bình 02 tuần anh M về huyện T 01 lần. Đầu năm 2020, anh M nghỉ việc chuyển sang nuôi cá nên mỗi tuần về 01 lần. Đến tháng 04/2021, vợ chồng ly thân cho đến nay.

Cháu H sống cùng với chị L từ khi sinh cho đến nay, chị L là người lo tiền mua sữa, bỉm, chích ngừa, ăn vật ... cho con, anh M không phụ tiền lo cho con chung, lâu lâu anh M chỉ mua cho con được 01 - 02 thùng sữa, mọi kinh tế trong gia đình do chị L lo. Hiện chị L và cháu H sống chung với cha mẹ ruột chị L. Chị L có thu nhập hàng tháng trung bình khoảng 10.000.000 đồng, cùng với sự trợ giúp của cha mẹ ruột thì chị L đủ khả năng tài chính để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Trong thời gian buôn bán, chị L thuê người trông giữ, chăm sóc cháu H. Cháu H hiện có cuộc sống ổn định về mặt tâm sinh lý, phát triển khỏe mạnh bình thường và đã quen với cuộc sống hiện tại. Do đó, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/01/2022, tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Phan Hùng M trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng tự tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị L là đúng. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn nên anh M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Gia H, sinh ngày 06/5/2019, hiện con chung đang sống với chị L.

Khi sinh cháu H, chị L và cháu H có về sống cùng nhà với ông bà nội. Anh M không có mặt ở huyện T nhưng nghe người khác nói lại và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là trong lúc dịch bệnh phức tạp, thực hiện Chỉ thị 16 của Thủ tướng chính phủ, chợ T bị căng dây phong tỏa, chị L không buôn bán được ở nhà nhưng vẫn đem con đi gửi là xem thường tính mạng của cháu H. Đồng thời, anh M điện thoại muốn hỏi thăm và nhìn con thì gia đình chị L không cho, không cho anh M biết thông tin gì về con. Sau khi hết giãn cách xã hội anh M đến thăm con nhiều lần, có mua sữa cho con khoảng hơn 10 thùng, muốn chở con về chơi với ông bà nội thì gia đình chị L ngăn cản, mẹ vợ đánh anh M có trình báo đến Công an thị trấn S, huyện T. Còn cha chị L thì vi phạm chế độ hôn nhân gia đình, bị chị L bắt gặp tại nhà trọ và gây gổ đánh nhau

với người tên T bị Công an huyện T lập biên bản. Đồng thời, chị L buôn bán ở chợ đôi lúc gây gổ đánh nhau với những người mua bán ở gần.

Chị L phải buôn bán ngoài chợ, không có mặt ở nhà để chăm sóc con, không trực tiếp chăm nom con, đem con đi gửi cho người khác chăm sóc cùng với những đứa trẻ khác, thường xuyên không trực tiếp cho con ăn mà để người khác cho ăn, không đảm bảo điều kiện nuôi con, chăm sóc con chung không tốt. Anh M thu nhập trung bình hàng tháng khoảng từ 12.500.000 đồng đến 20.000.000 đồng từ nguồn thuê đất nuôi cá, ếch và thu mua xoài bán lại cho vựa xoài, đủ khả năng tài chính nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, nếu Tòa án giao con chung cho anh M nuôi dưỡng thì anh sẽ trực tiếp trông giữ con, không phải đem con đi gửi. Do đó, anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 11/2022/HNGĐ-ST ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Phan Hùng M.

Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị Trúc L được tiếp tục nuôi con chung tên Phan Gia H, sinh ngày 06/5/2019. Anh Phan Hùng M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Trúc L không yêu cầu.

Anh Phan Hùng Minh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Không có.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/3/2022 anh Phan Hùng M kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Trúc L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Cháu H hiện nay sức khỏe tốt, phát triển bình thường, được chị L cho đi học tại Trường Mầm non thị trấn S. Chị L trực tiếp chăm sóc, đưa rước con đi học, thỉnh thoảng bận buôn bán thì nhờ người thân trong gia đình (trong đó có bà T1 (dì ruột chị L)) phụ giúp đưa đón, chăm sóc cháu H. Anh M không có đưa tiền cho chị L nuôi con và lo cho gia đình như lời trình bày của anh M, không có trách nhiệm với vợ, con, chỉ mua được 10 thùng sữa (loại hộp giấy) không đủ để nuôi con, mọi chi phí sinh hoạt gia đình và nuôi con do chị L chịu. Ngày 12/02/2022 anh M đến bắt đem cháu H về huyện C chứ không phải đến thăm con, đường xa, con còn nhỏ nên dì T1 giữ cháu H lại chứ chị L không ngăn cản anh M đến thăm con. Trong thời gian dịch bệnh Covid-19, chị L vẫn được phép mua bán tại nhà do là mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, sợ người đến mua hàng lây bệnh cho con mới gửi con cho người chị bà con giữ

giùm, không buôn bán ngoài chợ. Do đó, chị L không đồng ý giao cháu H cho anh M nuôi dưỡng.

Anh Phan Hùng M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị L và gia đình không biết cách chăm sóc con, ngăn cản việc anh M đến thăm con, chị L không trực tiếp cho con ăn, xem thường tính mạng của con, đề nghị xem vi bằng do anh M cung cấp là chứng cứ. Hiện nay cháu H phát triển tốt, khỏe mạnh, mỗi tháng anh M có đưa cho chị L từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng để chi tiêu cho gia đình và con, từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh M không còn đưa tiền cho chị L chi tiêu. Anh M có mua khoảng 10 thùng sữa (hộp giấy, sữa nước). Thu nhập từ việc nuôi ếch, thu mua xoài bình quân từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng. Việc ông C giữ xe, điện thoại của anh M là do anh M nợ tiền. Ngoài biên bản làm việc của Công an thị trấn S, anh M không còn chứng cứ nào khác chứng minh chị L và gia đình chị L ngăn cản anh C thăm con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chị L có khả năng lao động, tạo ra thu nhập, đảm bảo cuộc sống cho cháu H. Hiện nay cháu H được chị L chăm sóc tốt, sức khỏe bình thường. Nhằm ổn định cuộc sống của cháu H, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh M kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh chị L không đủ điều kiện nuôi con, ngăn cản anh M thăm con. Do đó, kháng cáo của anh M không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 11/2022/HNGĐ-ST ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của anh M nộp trong hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của anh M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Phan Gia H, sinh ngày 06/5/2019:

[2.1] Chị L và anh M cùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung xuất phát từ tình thương và trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ đối với con. Việc quyết định giao con cho cha hay mẹ nuôi dưỡng cần đảm bảo về đời sống vật chất lẫn tinh thần của trẻ. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L và anh M có công việc, thu nhập, chỗ ở ổn định. Chị L sinh sống tại huyện T, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H từ khi sinh con cho đến nay, còn anh M sinh sống tại huyện C. Thời gian bán hàng, chị L gửi cháu H cho người quen trông giữ để tạo nguồn thu nhập chăm lo cuộc sống gia đình, trong đó

có cháu H nhưng chị L cùng người thân trong gia đình vẫn trực tiếp đưa đón cháu H, vẫn đảm bảo cho cháu H phát triển khỏe mạnh, bình thường. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh M thừa nhận cháu H có sức khỏe tốt, phát triển bình thường về tâm lý và đang theo học tại Trường Mầm non thị trấn S. Do đó, việc anh M cho rằng chị L không có thời gian chăm sóc con chung, không trực tiếp cho con ăn, dịch bệnh Covid-19 chị L gửi con cho người khác trông nom là xem thường tính mạng của con là không có căn cứ. Bên cạnh đó, tại thời điểm xét xử sơ thẩm cháu H dưới 36 tháng tuổi, giữa chị L và anh M không thỏa thuận được về người nuôi dưỡng phù hợp với lợi ích của con. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định tâm lý, tránh thay đổi môi trường sống của trẻ là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Anh M kháng cáo cho rằng chị L và gia đình chị L ngăn cản anh M đến thăm con, không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung và cung cấp Vi bằng do Văn phòng Thừa phát lại Đồng Tháp lập thể hiện anh M cung cấp USB có 06 đoạn ghi âm cuộc gọi được trích từ nguồn chứng cứ nào, bản dịch các đoạn ghi âm này, không xác định ghi âm giọng nói của người có họ tên là gì, địa chỉ cụ thể ở đâu, số điện thoại của ai, nội dung có cắt ghép, chỉnh sửa không. Tại Công văn số 161/CATT ngày 27/6/2022 của Công an thị trấn S và các tài liệu kèm theo gửi đến Tòa án thể hiện: Bà Nguyễn Thị T1 (dì chị L) giật lấy cháu H và đánh vào mặt anh M 2-3 cái, khi anh M đem cháu H đi ra khỏi nhà ông Nguyễn Văn C (cha vợ anh M), không thể hiện chị L cùng gia đình ngăn cản anh M đến thăm con vào ngày 12/02/2022. Điều này phù hợp với lời khai chị L tại phiên tòa. Chị L không thừa nhận lời trình bày của anh M và không đồng ý giao con chung cho anh M nuôi dưỡng. Anh M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh chị L không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về nuôi con.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không có yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, anh M không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[5] Do yêu cầu kháng cáo của anh M không được chấp nhận nên anh M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phan Hùng M. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số: 11/2022/HNGĐ-ST ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện C về nuôi con.

1. Về nuôi con: Giao con chung tên Phan Gia H, sinh ngày 06/5/2019 cho chị Nguyễn Thị Trúc L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Phan Hùng M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Trúc L không yêu cầu.

Anh Phan Hùng M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Phan Hùng M phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh M nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0007355 ngày 11/3/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Anh M đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng GDKTNV-THA;
- Lưu: VT, HS (H)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Kim Oanh